ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NAM CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIỂU MẪU CÔNG KHAI QUÝ I XÃ NAM CHÍNH NĂM 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM CHÍNH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nam Chính, ngày 01 tháng 04 năm 2021

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai ngân sách xã quý I năm 2021

Hôm nay, ngày 01 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở UBND xã Nam Chính, thành phần gồm có:

1. Ông Trần Văn Xuyến: Chủ tịch UBND xã
2. Ông Vương Thừa Vũ: Phó chủ tịch UBND xã
3. Ông Đinh Văn Hồng Công chức Tư pháp – Hộ tịch.
4. Bà Nguyễn Thị Dung Công chức Tài chính - Kế toán xã
5. Ông Lê Quang Cường: Công chức Văn phòng

Đã tiến hành kiểm tra, xác định các biểu mẫu công khai thu – chi ngân sách xã quý I của xã Nam Chính năm 2021;

Thời gian công khai: 30 ngày, từ ngày 01/04/2021-01/05/2021.

Địa điểm công khai: Tại phòng trực tiếp dân UBND xã Nam Chính.

Biên bản được lập thành 03 bản nhau, gửi phòng Tài chính – Kế hoạch 01 bản; Công khai tại phòng tiếp dân 01 bản; lưu kế toán 01 bản.

Người lập biên bản *(ký, ghi rõ họ tên)* Nguyễn Thị Dung	**TM. UBND XÃ** *(ký tên, đóng dấu)* CHỦ TỊCH TRẦN VĂN XUYẾN

Các thành viên

(ký, ghi rõ họ tên)

Vương Thừa Vũ

Nguyễn Thị Dung

Lê Quang Cường

Đinh Văn Hồng

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ NAM CHÍNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 118 /QĐ-UBND	*Nam Chính, ngày 01 tháng 04 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã Quý I năm 2021 của xã Nam Chính

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM CHÍNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Xét đề nghị của công chức Tài chính – Kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã quý I năm 2021 của xã Nam Chính (*theo các biểu kèm theo Quyết định này*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Kế toán - tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./

Nơi nhận:
- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Lưu: VT, KT

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

Trần Văn Xuyến

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NAM CHÍNH

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2021

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I/2021	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	**Tổng số thu**	**4,843,200**	**2,966,002**	**61.24**
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	105,000	18,194	17.33
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	492,100	1,420,348	288.63
3	Thu bổ sung	**4,246,100**		
	- Bổ sung cân đối	*4,051,700*	*1,050,000*	*25.92*
	- Bổ sung có mục tiêu	*194,400*		
4	Thu chuyển nguồn		477,460	
II	**Tổng số chi**	**4,843,200**	**2,352,778,961**	**48579.02**
1	Chi đầu tư phát triển	300,000		
2	Chi thường xuyên	4,490,200	2,352,778,961	52398.09
3	Chi dự phòng	30,000		
4	Nguồn TK chi 10% TX	23,000		

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Dung

TM. UBND XÃ
Chủ tịch

Trần Văn Xuyến

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NAM CHÍNH

Biểu số 114/CK-TC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2021

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN QUÝ I		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	TỔNG THU	**4,843,200**	**4,843,200**	**2,966,002**	**2,966,002**	**61.24**	**61.24**
I	**Các khoản thu 100%**	**105,000**	**105,000**	**18,194**	**18,194**	**17.33**	**17.33**
1	Phí, lệ phí	10,000	10,000	1,694	1,694	16.94	16.94
2	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	70,000	70,000				
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			16,500	16,500		
5	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
6	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
7	Thu khác	25,000	25,000				
II	**Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ phần trăm (%)**	**492,100**	**492,100**	**1,420,348**	**1,420,348**	**288.63**	**288.63**
1	Các khoản thu phân chia	96,100	96,100	35,522	35,522	36.96	36.96
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	*27,600*	27,600				
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	*8,500*	8,500	*8,400*	8,400	*98.82*	*98.82*
	Lệ phí trước bạ nhà, đất	*60,000*	60,000	*27,122*	27,122	*45.20*	*45.20*
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	396,000	396,000	1,384,826	1,384,826	349.70	349.70
	Thuế giá trị gia tăng	*66,400*	66,400	*54,698*	54,698	*82.38*	*82.38*
	Thuế thu nhập cá nhân	*29,600*	29,600	*17,043*	17,043	*57.58*	*57.58*
	Thu tiền sử dụng đất	*300,000*	300,000	*1,313,085*	1,313,085	*437.70*	*437.70*
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN QUÝ I		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
IV	**Thu chuyển nguồn**			477,460	477,460		
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**						
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**4,246,100**	**4,246,100**	**1,050,000**	**1,050,000**	24.73	24.73
	Thu bổ sung cân đối ngân sách	4,051,700	4,051,700	1,050,000	1,050,000	25.92	25.92
	Thu bổ sung có mục tiêu	194,400	194,400				

NGƯỜI LẬP

Dung

Nguyễn Thị Dung

TM. UBND XÃ

Chủ tịch

Trần Văn Xuyến

XÃ NAM CHINH

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2021

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	XDCB	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	**4,843,200**	**300,000**	**4,543,200**	**2,352,778,961**		**2,352,778,961**	**48,579**		**51,787**
	Trong đó:									
1	Chi Giáo dục	10,000		10,000	720,000		720,000	7,200		7,200
2	Chi ứng dụng, CGCN									
3	Chi an ninh trật tự, dân quân tự vệ	405,157		405,157	63,076,343		63,076,343	15,568		15,568
4	Xây dựng đời sống văn hoá KDC - GĐVH	45,000		45,000						
5	Chi y tế									
6	Chi văn hoá, thông tin	16,200		16,200						
7	Chi phát thanh, truyền hình	47,100		47,100	3,821,000		3,821,000	8,113		8,113
8	Chi thể dục thể thao	16,300		16,300						
9	Chi bảo vệ môi trường	16,300		16,300						
10	Chi các hoạt động kinh tế	36,800		36,800	1,000,000,000		1,000,000,000	2.717		2.717
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3,456,811		3,456,811	1,196,529,618		1,196,529,618	34,614		34,614
12	Chi công tác xã hội	440,532		440,532	88,632,000		88,632,000	20,119		20,119
13	Chi khác	23,000		23,000						
14	Dự phòng ngân sách	60000	30000	30000						
15	Chi đầu tư phát triển	270,000	270,000							

NGƯỜI LẬP

Dung

Nguyễn Thị Dung

TM. UBND XÃ
Chủ tịch

Trần Văn Xuyên